TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 85/2017/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2017/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Minh N, sinh năm 1983, địa chỉ: Tiểu khu 3, xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lò Thị Thanh H, sinh năm 1987, địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Minh N và chị Lò Thị Thanh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Minh N, sinh năm 1983, địa chỉ: Tiểu khu 3, xã CS, huyện MC, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lò Thị Thanh H, sinh năm 1987, địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Anh Vũ Minh N và chị Lò Thị Thanh H nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Anh N, chị H có 01 con chung là cháu Vũ Chí T, sinh ngày 08/01/2012. Giao cháu Vũ Chí T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành. Anh Ncó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền là 2.000.000VNĐ/tháng (Hai triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

d. Về nợ chung vợ chồng:

Anh N, chị H không nợ ai và cũng không cho ai vay mượn tài sản.

đ. Về án phí:

Anh N nhận chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, trong đó tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/04604 ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã CS;
- Lưu: hồ sơ.

Lương Long Bình